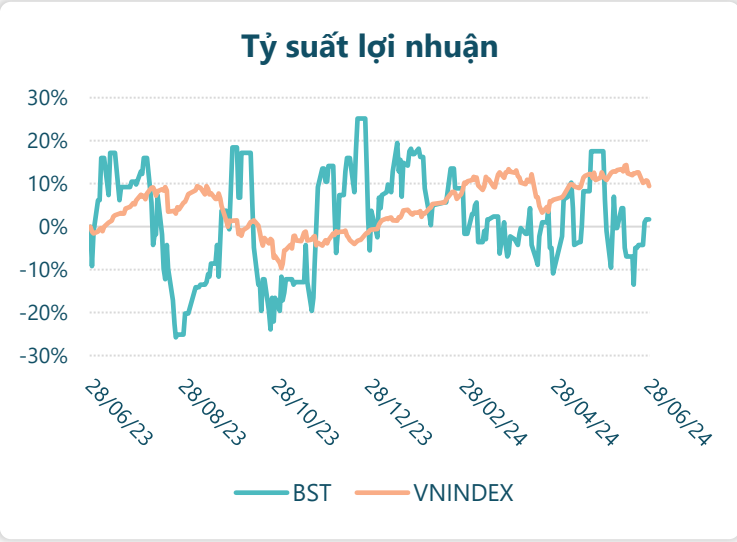


Ngày	15,400 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	12.4%	4.1%	-18.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,245 - 18,959
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17
Số lượng CPLH (CP)	1,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	330
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	(0.57)
EPS	1,740
P/E	8.8



Doanh thu thuần
Q2/24

33.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 31.2 | 1596%

YoY: ▲ 2.10 | 6.9%

Nợ/VCSH
Q2/24

55.6%

YoY: +/- ▼ 3.1%

LN gộp
Q2/24

3.12

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.61 | 511%

YoY: ▲ 0.01 | 0.3%

ROE (TTM)
Q2/24

13.2%

YoY: +/- ▼ 1.1%

LN trước thuế
Q2/24

0.55

tỷ VNĐ

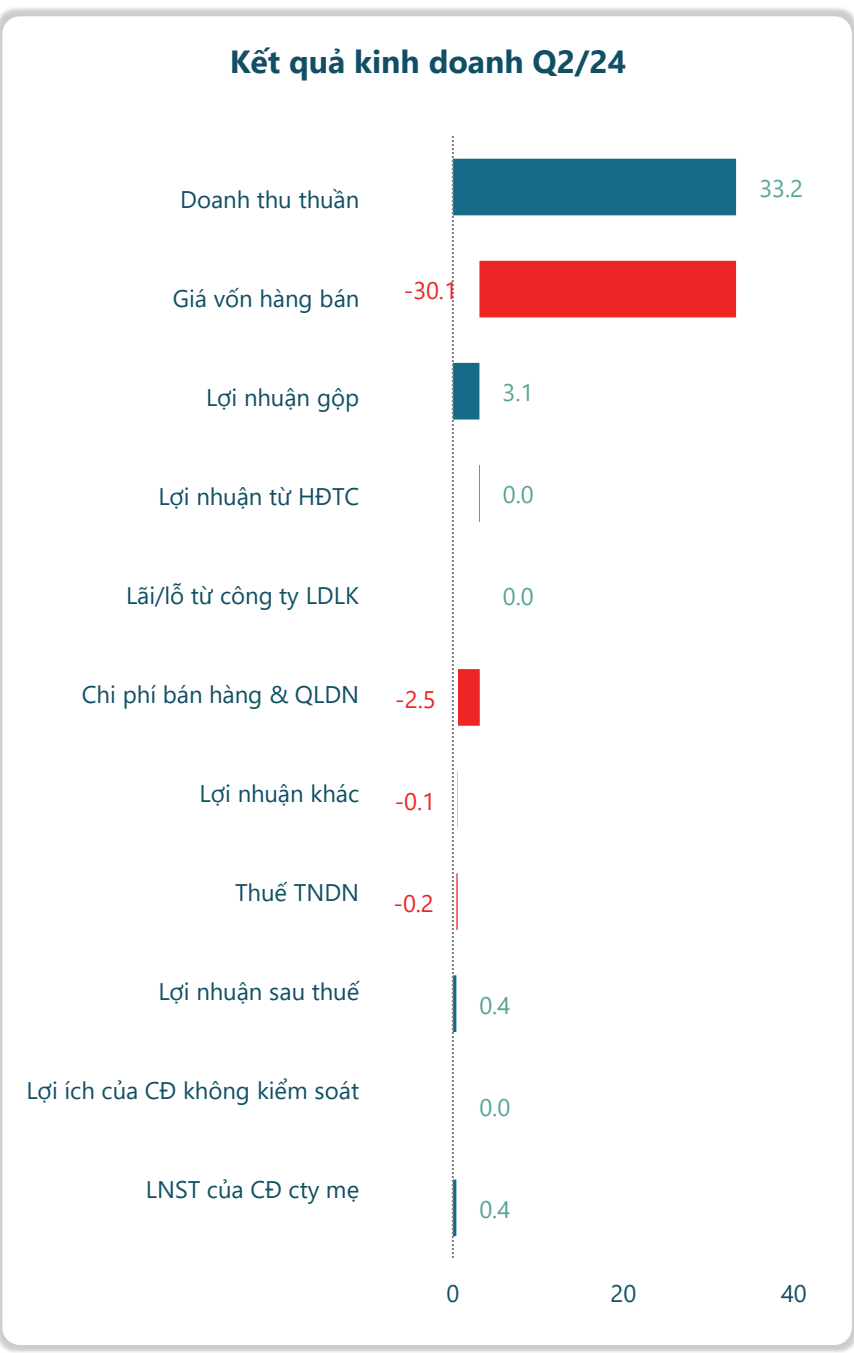
QoQ: ▲ 0.45 | 450%

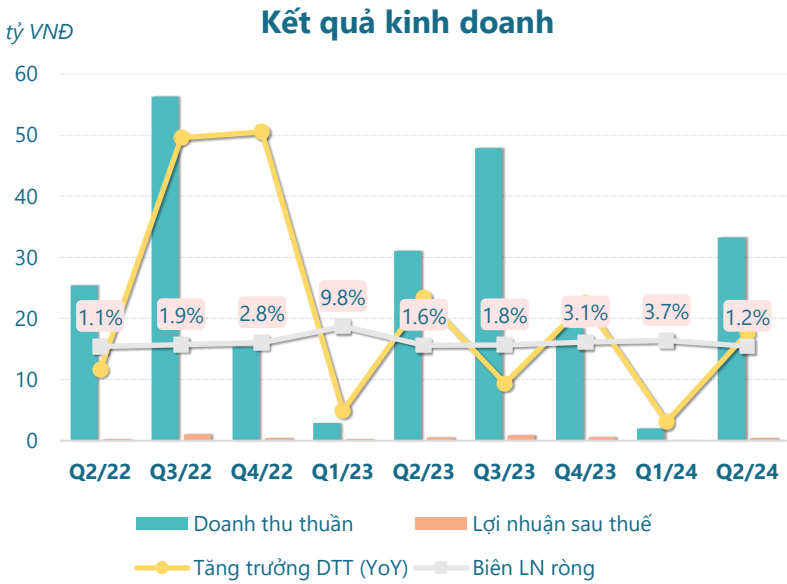
YoY: ▼ 0.08 | -12.7%

ROA (TTM)
Q2/24

7.4%

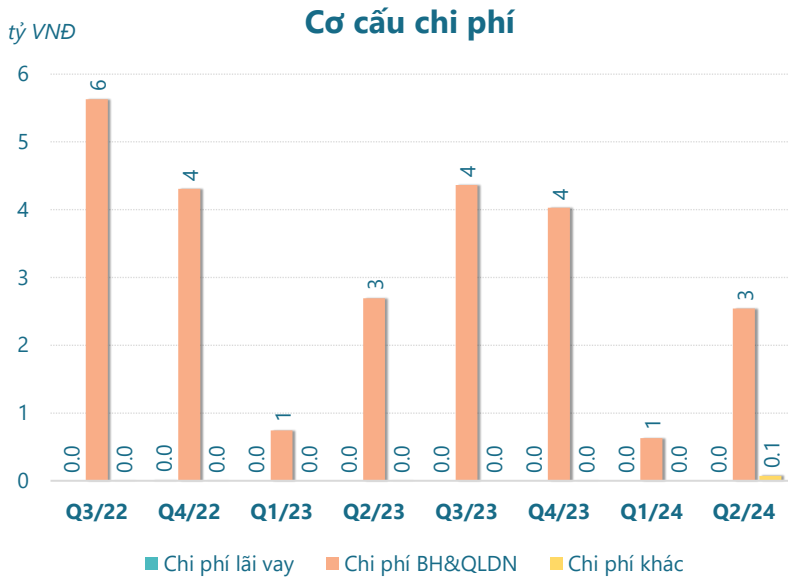
YoY: +/- ▼ 1.9%





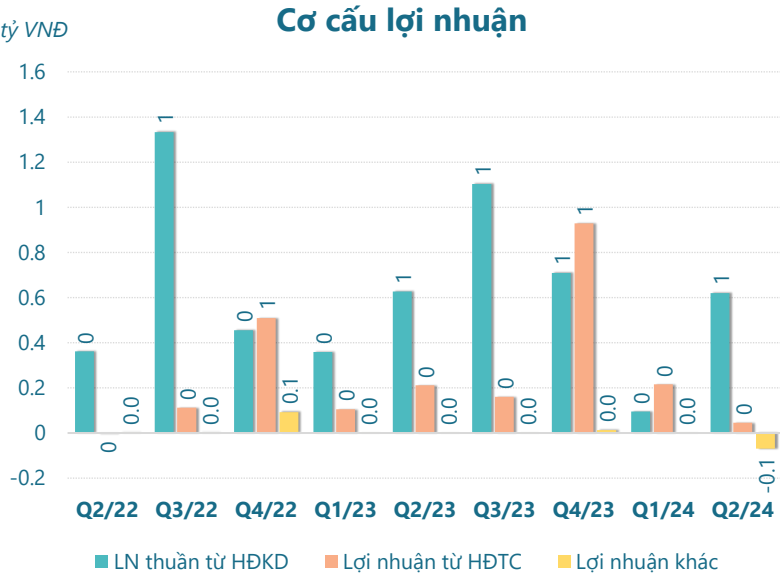
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.62 tỷ đồng**, tăng thêm 520% so với kỳ trước và thấp hơn 1.59% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.04 tỷ đồng**, giảm đi 81.8% so với kỳ trước và thấp hơn 81.0% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.07 tỷ đồng** giảm đi 0.07 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.07 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **BST** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **33.24 tỷ đồng** tăng thêm **6.95%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.40 tỷ đồng, giảm sút 20.0%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **35.00 tỷ đồng** cao hơn 2.94% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế bằng 0 thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.



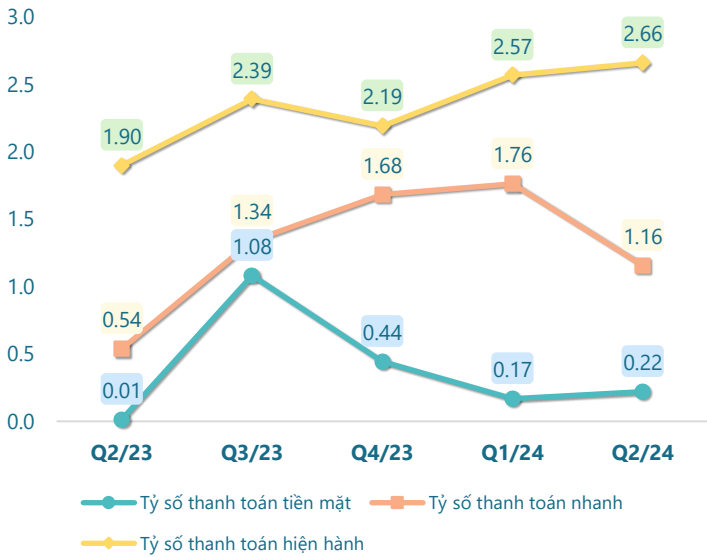
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **2.54 tỷ đồng** tăng thêm 303% so với kỳ trước và thấp hơn 5.58% so với cùng kỳ năm trước.

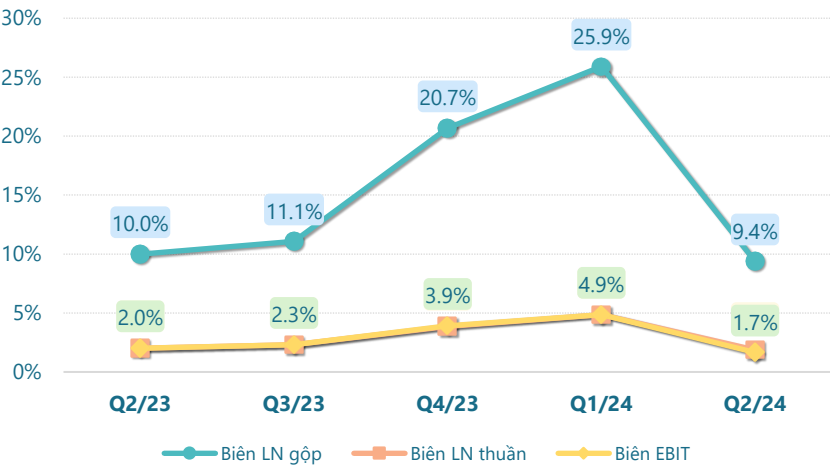
Chi phí khác bằng **0.07 tỷ đồng** tăng thêm 0.07 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.07 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	33.2	1.96	1596%	31.1	6.9%	35.2	34.0	3.7%
Giá vốn hàng bán	30.1	1.46	1963%	28.0	7.6%	31.6	29.9	5.8%
Lợi nhuận gộp	3.12	0.51	511%	3.11	0.3%	3.63	4.10	-11.6%
Doanh thu HĐTC	0.06	0.23	-74.5%	0.22	-73.3%	0.29	0.34	-15.0%
Chi phí TC	0.01	0.02	-31.2%	0.01	37.7%	0.03	0.02	22.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.74	0.40	334%	1.77	-1.9%	2.14	2.33	-8.2%
Chi phí QLDN	0.81	0.23	251%	0.92	-12.3%	1.04	1.11	-6.6%
LN thuần từ HĐKD	0.62	0.10	520%	0.63	-1.6%	0.72	0.99	-27.4%
Lợi nhuận khác	-0.07	0.00		0.00		-0.07	0.00	-63511%
LN trước thuế	0.55	0.10	450%	0.63	-12.7%	0.65	0.99	-34.5%
Lợi nhuận sau thuế	0.40	0.07	471%	0.50	-20.1%	0.47	0.78	-39.8%
LNST của CĐ cty mẹ	0.40	0.07	471%	0.50	-20.1%	0.47	0.78	-39.8%

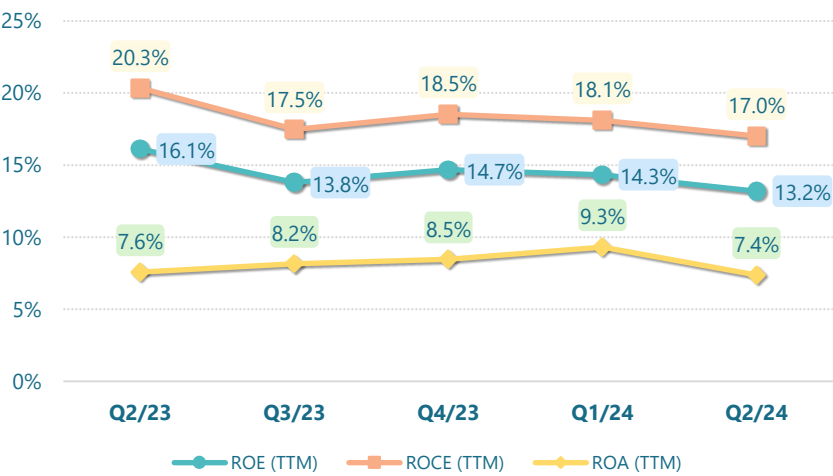
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

